

Bản án số: 181/2018/HSST
Ngày: 19-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tuấn Anh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Bà **Lâm Thị Hoàng Oanh**

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí quận Bình Thạnh

2/ Bà **Nguyễn Thị Ngọc Lan**

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí quận Bình Thạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Hòa** - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Huy** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 161/2018/HSST ngày 05/10/2018, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 637/QĐXX ngày 01/11/2018 đối với bị cáo:

1/ Phạm T; tên gọi khác: Tý boy; Sinh năm: 1992; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ĐKTT: đường N, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: làm thuê; Cha: Phạm Th; Mẹ: Nguyễn T; Vợ: Nguyễn Th; Con có 01 người con sinh năm 2011; Tiền sự: không; Lịch sử bản thân: Ngày 29/8/2008, Công an quận Bình Thạnh xử phạt hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích; Ngày 22/01/2010, Công an quận Bình Thạnh xử phạt hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích; Ngày 17/10/2011, Công an phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Tiền án:

- Năm 2013, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 31/3/2013. Theo Bản án số 214/2013/HSST ngày 08/8/2013. Ngày 31/3/2014 chấp hành xong hình phạt tù. (BL: 144-149)

- Năm 2014, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2014. Theo Bản

án số 71/2015/HSST ngày 25/5/2015. Ngày 23/7/2016 chấp hành xong hình phạt tù. (BL: 180-154).

Bị cáo bị tạm giam ngày: 13/7/2018.

2/ Nguyễn Đ; tên gọi khác: Bờm; Sinh năm: 1982; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ĐKTT : Cư xá T, phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: quản lý tiệm game; Cha: Nguyễn Đ; Mẹ: Phạm T; Gia đình có 03 anh chị em, bị can là người thứ 2; Vợ: Trần T; Con có 02 người con, sinh năm 2015 và năm 2016; Tiền án, tiền sự: không;

Lịch sử bản thân:

- Năm 2000, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 14 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 28 tháng, về tội “Cướp tài sản”. Theo Bản án số 135/HSST ngày 26/9/2000. (BL: 169-170)

- Ngày 03/6/2015, Công an phường 27 quận Bình Thạnh xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. (BL: 176-177)

- Năm 2012, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 24 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 10/5/2012. Theo Bản án số 203/HSST ngày 06/9/2012. Ngày 10/02/2014 chấp hành xong hình phạt tù. (BL: 194-199)

Bị cáo đang bị tạm giam theo lệnh tạm giam của công an quận Gò Vấp, khởi tố bị cáo về một hành vi phạm tội khác từ ngày 11/6/2018.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại:

Ông Vương Q, sinh năm: 1997 (có mặt)

Địa chỉ: đường N, phường L, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 23/4/2018, Phạm T cùng I, G (chưa rõ lai lịch) sử dụng xe Honda Airblade không rõ biển số của I) đi ngang hẻm U, phường H, quận B thì I nhìn thấy chiếc xe Airblade biển số 59X1-388.67 của ông Vương Q để trong hẻm không người trông coi nên cả ba nảy sinh ý định chiếm đoạt và dừng xe lại, Ty xuống xe đi bộ lại chiếc xe của ông Q bẻ khoá xe, đèn xe bật sáng nhưng không nổ máy được nên ngoắc tay gọi T lại đẩy xe phụ, T điều khiển xe của I (chở G ngồi sau) đẩy chân chiếc xe AirBlade biển số 59X1 – 388.67 do I điều khiển tẩu thoát về đường Đ, phường M, quận B, sau đó T bỏ đi thì I gọi điện thoại xin số điện thoại liên lạc với Nguyễn Đ. Đ lại gọi điện thoại nhờ Nguyễn B sử dụng xe Honda Click biển số 59S2 – 541.76 (do

ông Nguyễn V là cha của B làm chủ sở hữu) chở T và Đ vào khu đường Đ gặp I trao đổi về việc xe trộm được “lên đèn” nhưng bị gắn công tắc phụ nên không nổ máy được và giao xe cho Đ. Sau đó, B sử dụng xe Honda Click biển số: 59S2 – 541.76 chở Đ đẩy chân T điều khiển xe biển số: 59X1 – 388.67 về tiệm game bắn cá của Đ để ga bán cho Lê Q, Định trả giá 9.000.000 đồng nhưng xe không nổ máy được nên Q không mua, T và B vào chơi game. Đ sau đó lấy biển số xe 59V2 – 070.33 (do H mập chưa xác định được đưa cho Đ) thay gắn vào xe 59X1 – 388.67 và cất giấu trong tiệm bắn cá đường N. T và B chơi game đến khuya thì về. Qua ngày 24/4/2018, Đ nói nhân viên đưa xe AirBlade trộm đã được thay biển số, đang để trong tiệm game ra ngoài thì bị Công an tạm giữ.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bình Thạnh, Phạm T và Nguyễn Đ khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Tiến hành khám xét nơi ở của T thu giữ được 01 chiếc áo thun mà T mặc khi thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với bị hại Vương Q, khoảng 20 giờ ngày 23/4/2018, sau khi phát hiện bị mất trộm xe gắn máy biển số 59X1-388.67, ông Q đến Công an phường 13 quận Bình Thạnh trình báo sự việc và giao nộp 01 USB chứa dữ liệu camare an ninh ghi hình ảnh bị trộm cắp chiếc xe trên.

Tại bản cáo trạng số 160/Ctr - VKS ngày 02/10/2018 của Viện Kiểm Sát nhân dân quận Bình Thạnh đã truy tố bị cáo Phạm T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, với tình tiết định khung hình phạt “Tái phạm nguy hiểm”, theo quy định tại điểm g, khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và bị cáo Nguyễn Đ phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”, theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh thực hiện quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, trình bày lời luận tội, đánh giá tính chất, mức độ và hậu quả nguy hiểm cho xã hội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo Phạm T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng điểm g, khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo T từ 3 đến 4 năm tù.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đ phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”, áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đ từ 9 đến 12 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: 01 USB chứa dữ liệu camera an ninh là chứng cứ vụ án đề nghị tiếp tục lưu hồ sơ; 01 áo vải thun dài tay màu xanh đen, ngực áo in chữ “Don’t touch

me” thu giữ của Phạm T là chứng cứ vụ án đã ghi nhận lại hình ảnh không có giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

* Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu và không có ý kiến gì tranh luận với phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo đã nhận thức việc làm của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Bình Thạnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại cơ quan điều tra cũng như qua thẩm tra xét hỏi trước phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm T và bị cáo Nguyễn Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo T phù hợp với camera ghi hình ảnh hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo T cùng đồng bọn, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu được và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đúng như hành vi phạm tội mà Viện kiểm sát truy tố các bị cáo ra trước tòa:

Hội đồng xét xử, nhận thấy bị cáo Phạm T có hành vi như sau: Do bản chất lười lao động và có ý định chiếm đoạt từ trước, nên ngày 23/4/2018 khi Phạm T cùng đối tượng tên I và G (chưa rõ lai lịch) đi chung xe máy đến trước nhà đường U, phường H, quận Bình Thạnh thì phát hiện xe gắn máy hiệu AirBlade biển số 59X1-388.67 của anh Vương Q không có người trông coi, đối tượng I đã lén lút bẻ ổ khóa xe thì đèn xe bật sáng nhưng xe không nổ máy được, I kêu T và đối tượng tên G đến đẩy xe gắn máy để tẩu thoát nhằm bán lấy tiền tiêu xài. Sau khi chiếm đoạt được xe gắn máy trên, do xe không nổ được máy nên T đi tìm Nguyễn Đ đến mở khóa mục đích để bán, sau đó cả hai đẩy xe chiếm đoạt được về tiệm game của Đ để thay biển số xe đồng thời bán cho anh Lê Q với giá 9.000.000 đồng, nhưng do không mở khóa được nên anh Q không mua. Với hành vi nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn T cùng các đối tượng tên I, G (chưa rõ lai lịch) đã có hành vi lợi dụng bị hại sơ hở trong việc quản lý tài sản, đã có hành vi lén lút chiếm đoạt xe gắn máy hiệu AirBlade biển số 59X1-388.67 của anh Vương Q; trị giá tài sản bị cáo cùng đồng bọn

chiếm đoạt theo kết luận định giá tài sản là 19.000.000 đồng. Hành vi này của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo T liên tục phạm tội, cụ thể: Năm 2013, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản, tiếp đến bị cáo lại tiếp tục phạm tội và năm 2015, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “trộm cắp tài sản” (theo bản án số 71/2015/HSST ngày 25/5/2015), bản án này bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, mặc dù bản án này bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/7/2016 nhưng chưa được xóa án tích, nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Đ trong vụ án này: Bị cáo Đ tuy không hứa hẹn trước với bị cáo T về việc chứa chấp tài sản do bị cáo T cùng đồng bọn chiếm đoạt do phạm tội mà có, nhưng khi được T gọi đến để trao đổi về việc cất giấu để bán xe gắn máy do phạm tội mà có, bị cáo Đ biết rõ xe máy trên là do T và đối tượng tên I phạm tội mà có nhưng không từ chối mà đồng ý chứa chấp; bị cáo Đ đã thay biển số xe gắn máy trên để tránh việc bị phát hiện và cất giấu tại nơi làm việc của mình thì bị bắt cùng tang vật. Hành vi này của bị cáo Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ, động cơ phạm tội và nhân thân của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện tính xem thường pháp luật, chỉ vì cần tiền tiêu xài lười lao động bị cáo đã cố ý phạm tội, gây nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự ở địa phương. Nhân thân của các bị cáo đã nhiều lần bị Tòa án xét xử về các hành vi phạm tội khác nhau, trong đó bị cáo Hoàng, mặc dù lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tình tiết định khung hình phạt tái phạm nguy hiểm nên không lấy làm tình tiết tăng nặng cho bị cáo, nhưng cho thấy bị cáo sau khi chấp hành xong hình phạt của các bản án trước, không sửa chữa bản thân, lại tiếp tục phạm tội với hành vi tương tự, thể hiện bản chất coi thường pháp luật nên cần phải áp dụng một mức phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Hành vi trộm cắp tài sản của Phạm T và các đối tượng tên I, G có tính chất đồng phạm, đối tượng I (chưa rõ lai lịch) là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo T và đối tượng tên G (chưa rõ lai lịch) là người giúp sức, nhưng các bị cáo không tổ chức cấu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn nên khi lượng hình

cũng cần có một mức hình phạt tương xứng với hành vi, vai trò, nhân thân của bị cáo T.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt theo quy định.

[5] Đối với các đối tượng I, G, H mật kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ nhân thân và hành vi phạm tội, nếu có dấu hiệu tội phạm đề nghị xử lý sau theo quy định của pháp luật.

[6] Về vật chứng:

- 01 USB chứa dữ liệu camera an ninh là chứng cứ vụ án nên tiếp tục lưu hồ sơ
- 01 áo vải thun dài tay màu xanh đen, ngực áo in chữ “Don’t touch me” thu giữ của Phạm T là chứng cứ vụ án đã được ghi lại hình ảnh lưu hồ sơ không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và Nguyễn Đ phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”

Áp dụng điểm g, khoản 2 Điều 173; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phạm T.

Xử phạt bị cáo Phạm T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Đ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đ 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/6/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 45 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tiếp tục lưu hồ sơ 01 USB chứa dữ liệu camera an ninh ghi hình hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo T và đồng bọn.

- Tịch thu tiêu hủy 01 áo vải thun dài tay màu xanh đen, ngực áo in chữ “Don’t touch me” thu giữ của Phạm T.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 10/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và Lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn đồng) đồng án phí hình sự sơ thẩm, nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND TP. HCM
- VKSND Q-Bình Thạnh
- THA DS Q. BT
- Trại giam
- THA HS
- Phòng PC 27 - CA TP.HCM
- UBND nơi bị cáo cư trú
- Bị cáo
- Những người tham gia TT
- Lưu VP, hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tuấn Anh